STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước
1	CÔNG TY TNHH ANTOLIN VIỆT NAM	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	Cơ khí chính xác
2	Công ty TNHH Yvonne Việt Nam	Sản xuất gia công phụ liệu may mặc	Bao bì công nghiệp
3	Công ty TNHH Việt Nam New Century Industrial	Sản xuất và lắp ráp xe oto địa hình, xe đua cỡ nhỏ	sản phẩm liên quan đến linh kiện xe oto địa hình, xe moto địa hình sản phẩm khung đóng hàng pallet sắt gia công phun sơn, xử lý han gỉ sản phẩm
4	Công ty TNHH LS Metal Vina	Sản xuất	Bao bì công nghiệp
5	Công ty TNHH LG Display Việt Nam Hải Phòng	Ngành công nghiệp màn hình	có File excel đính kèm, Cơ khí chính xác, spare part
6	CÔNG TY TNHH YVONNE VIỆT NAM	Sản xuất gia công nhãn mác các loại, hộp carton, bao bì, phụ kiện đóng gói	Bao bì công nghiệp
7	CÔNG TY TNHH LONG VƯƠNG HẢI PHÒNG	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	cần tìm đơn vị cung cấp vận chuyển hàng hoá từ kcn đình vũ đi miền bắc
8	CÔNG TY TNHH I STEEL HẢI PHÒNG	Gia công cơ khí và tráng phủ kim loại	Màng đóng gói sản phẩm (chất liệu PE 12 µm//PEW.50 µm)
9	Công ty TNHH Kyungsung Việt Nam	Sản xuất linh kiện điện tử	Cơ khí chính xác: Ví dụ bên mình sản phẩm chủ yếu là đúc ra sản phẩm nhựa từ máy ép. Sau đó sẽ cần Robot/ Jig để gắp các sản phẩm đó lên băng tải, vận chuyển sang chuyền lắp ráp đóng gói. Tóm tắt: Cần hạng mục liên quan jig, robot gắp sản phẩm
10	Công ty TNHH Halla Electronics Vina	Điện tử	1. Nhà cung cấp về gia công cơ khí chính xác MCT, CNC 2. Nhà cung cấp về đúc nhôm áp lực
11	Công ty Nam Tiến	Sản xuất gỗ ván ép	xi lanh, ốc vít, ổ bi dùng trong máy móc liên quan ngành gỗ ép
12	Hyundai Kefico Việt Nam	Nghiên cứu, sản xuất lắp ráp linh kiện thông minh Ô tô	Cơ khí chính xác
13	Công ty TNHH LMS Vina	Sản xuất các sản phẩm nhôm định hình	Jig/đồ gá/khuôn mẫu
14	Công ty TNHH Chế tạo máy Citizen Việt Nam	Đúc, gia công chi tiết máy	Khuôn mẫu gỗ/jig/đồ gá
15	CÔNG TY TNHH FULL-SHARP AUTOMATIZED VN	Sản xuất, thương mại	File excel đính kèm

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước
16	Pegatron Vietnam Company Ltd	Sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử	1. Sản phẩm, dịch vụ phụ trợ doanh nghiệp đang tìm kiếm nhà cung cấp/ nhà thầu: Vật tư tiêu hao, Dịch vụ an ninh. 2. Nhu cầu về số lượng sản phẩm cần cung cấp (theo tháng, theo năm): Đối với vật tư tiêu hao, vì chủ yếu là vật tư thay thế nên không có số lượng cụ thể. Đối với dịch vụ an ninh, phát thầu 1 lần/ năm, hiện đang trong giai đoạn chào thầu. 3. Yêu cầu chi tiết về sản phẩm, dịch vụ phụ trợ: Đối với vật tư tiêu hao, chúng tôi đang có nhu cầu mở rộng nhà cung cấp loại hình công ty thương mại, có thể cung cấp đa dạng các loại mặt hàng như văn phòng phẩm, thiết bị nhà vệ sinh, thiết bị chiếu sáng, dụng cụ cầm tay... Đối với dịch vụ an ninh, cung cấp bảo vệ nhà máy với 107 chốt, ký túc xá với 12 chốt, chi tiết sẽ trao đổi trực tiếp khi đàm phán.
17	Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Tân Phong Việt Nam	sản xuất khuôn mẫu bằng kim loại cho điện thoại và máy tính bản	Khuôn mẫu/jig/đồ gá
18	Công ty TNHH Linton Crystal Việt Nam	Sản xuất máy chuyên dụng khác	Sữa chữa, bảo trì, bảo dưỡng đến hệ thống máy CNC
19	CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)	Sản xuất và lắp ráp thiết bị làm vườn.	
20	Công ty TNHH Điện tử Thinking (Việt Nam)	Sản xuất linh kiện điện tử (Chip)	Giấy,băng dính,dây đồng, dây thép, ống co, Khung dây dẫn leadframe, Vật liệu đóng gói (túi nilong, băng nhựa đựng chip, thùng carton, tem dán...) Hóa chất: Hàn thiếc (Thanh hàn, chất trợ hàn (nhựa thông)); chất Làm sạch (Ethanol) Chi tiết về sản phẩm, số lượng sản phẩm , dịch vụ phụ trợ--- có thể liên lạc sau
21	CÔNG TY TNHH HING TAT (VN)	Sản xuất, lắp ráp	**File excel đính kèm**
22	Công ty TNHH Eno interlining Việt Nam	Sản xuất kinh doanh Mex dựng vải	Cuộn giấy, ống giấy để cuộn vải
23	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TNTP HẢI PHÒNG	Sản xuất ống và các phụ kiện nhựa uPVC, HDPE, PPR	
24	Công ty TNHH Young Ho Eng Vina	Sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị công nghiệp	1. sản phẩm chủ yếu là chi tiết gia công bằng nhôm, thép, nhựa theo bản vẽ 2. trung bình khoảng 4.000~5.000 chi tiết gia công/tháng 3. yêu cầu các chi tiết gia công chính xác theo bản vẽ, bề mặt sản phẩm xử lý sau mạ sạch sẽ, sáng bóng, đóng gói gọn gàng, chống xước 4. hiện tại mong muốn yêu cầu chất lượng sản phẩm tốt theo tiêu chuẩn như Hàn Quốc nhưng giá thành thì vừa phải
25	CÔNG TY TNHH HUADA VIỆT NAM	Sản xuất	Logistics, vận tải kho bãi, đóng gói
26	Công ty TNHH công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam	Sản xuất máy in, máy photo đa chức năng,	1. Hàng cơ khí: đột dập + nhựa 2. Hàng tính năng: con lăn + motor 3. Hàng điện tử: dây điện + bản mạch
27	Công ty TNHH điện tử Poyun Việt Nam	Sản xuất cuộn âm dùng cho thiết bị điện tử	Bao bì công nghiệp

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước
28	CÔNG TY TNHH LG INNOTEK	Sản xuất Camera module	Có danh sách chi tiết sản phẩm kèm theo
29	Công ty TNHH Vật Liệu Mới Leju Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Bao bì công nghiệp, tìm nhà xưởng
30	CÔNG TY TNHH LIANYUE(VIỆT NAM)	Sản xuất , chế tạo và nghiên cứu, phát triển thiết bị đầu cuối mạng và thông tin	sửa chữa xe nâng(xe nâng điện Heli), bảo dưỡng hệ thống điều hòa(điều hòa Gree), sửa chữa thiết bị công nghiệp(thiết bị SMT, thiết bị phòng sạch,...)
31	CÔNG TY TNHH CTIC VIETNAM	Thử nghiệm, giám định, tư vấn, đào tạo chất lượng	Cần dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng đối khoa học kĩ thuật cấp cao như các máy thiết bị thử nghiệm yêu cầu kĩ thuật cao.
32	công ty tnhh chengv	công nghiệp chế biến, chế tạo	Bao bì công nghiệp
33	CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DEREN (VIỆT NAM)	Sản xuất Bộ dây dẫn, kết nối điện	File excel đính kèm
34	Công ty TNHH Shints BVT		File excel đính kèm: Thiết bị điện, vật tư đường ống nước, kết cấu thép, ống, hộp thép
35	Công ty TNHH công nghệ sáng tạo Duệ Trí		Bao bì, đinh ốc vít, linh kiện nhựa
36	Công ty TNHH Serveone (Việt Nam)	Mua bán hàng hóa và các hoạt động trực tiếp liên quan đến mua bán hàng hóa	Nhu cầu dịch vụ vận chuyển hàng hóa trong nước và quốc tế; vận chuyển hàng nhập khẩu, xuất khẩu; dịch vụ khai báo hải quan, giao nhận hàng hóa; vận tải đường bộ, đường biển, đường hàng không; dịch vụ lưu kho, bốc xếp, đóng gói và quản lý hàng hóa. Yêu cầu đảm bảo thời gian giao hàng, an toàn hàng hóa, chi phí cạnh tranh và đáp ứng linh hoạt nhu cầu phát sinh của hoạt động sản xuất kinh doanh.
37	CÔNG TY TNHH TOYO GLOBE VIỆT NAM	SẢN XUẤT QUẢ BI KIM LOẠI NGHIỀN XI MĂNG	Logistics, vận tải kho bãi, đóng gói
38	Công ty TNHH Superior Industries (Việt Nam)	Sản xuất phụ kiện thương hiệu thời trang cao cấp	Sữa chữa, bảo trì, bảo dưỡng
39	CÔNG TY TNHH ATEC SYSTEM VN	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	Logistics, vận tải kho bãi, đóng gói
40	Công ty TNHH Shopvac Vietnam	Sản xuất máy thông dụng khác,	Nhựa/cao su kỹ thuật
41	Công ty TNHH Comet Việt Nam	Sản xuất linh kiện điện tử, cơ khí và khuôn	Nhôm định hình (Heatsink) + tạo lỗ + gia công bề mặt

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

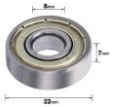
STT	Tên doanh nghiệp (FDI)	Ngành nghề hoạt động chính của doanh nghiệp	Nhu cầu cung ứng trong nước

Lgdisplay Hai Phong tìm kiếm doanh nghiệp cung cấp

Nguyễn Tiến Toàn - Phó giám đốc đối ngoại/Bộ phận đối ngoại - 0969816631

Hạng mục	Tiêu chuẩn	Số lượng	Hình ảnh sản phẩm tham khảo
Gia công cơ khí	Vật liệu: Nhôm, Thép, SUS, SKD, Plastic... Độ chính xác ~0.05mm, độ phẳng Ra <3.2μm	~5000 cái	 Con lăn, jig, mặt bàn chân không…
Các loại cable/dây tín hiệu	Điện áp, Chống nhiễu, jack kết nối, độ dày, số lõi ~50 lõi, Cáp dẹt FPC ~100 lõi	~5000 cái	 Cáp nguồn, cáp tín hiệu, cáp dẹt FPC…
Nấm hút, tấm vật liệu đệm, cao su	Vật liệu nhựa, urethane, sponge; tiêu chuẩn cách điện, độ cứng, kích thước …	~ 10.000 cái	 Nấm hút, urethane, sponge…
Linh kiện tiêu chuẩn	Theo thông số yêu cầu từng chủng loại: - Kích thước, độ mài mòn, đường kính trục, vật liệu…	~5000 cái	
Dịch vụ hậu xử lý gia công	Anodizing hóa (vật liệu nhôm), mạ điện (vật liệu kim loại), xử lý nhiệt	~1000 cái	

FULL-SHARP AUTOMATIZED VN CO., LTD							
STT	Ảnh	Mã linh kiện	Tên hàng	ĐVT	Nguồn hàng	Cần/năm	Ghi chú / NCC
1		VTP-PHANHTRUC phi 12	Phanh trục phi 12	Cái	Mua nội địa	1,000	
2		VTP - PHANHLO 28	Phanh lỗ (phe gài lỗ) phi 28	Cái	Mua nội địa	1,000	
3		VTP-VONGBI6001ZZ	Vòng bi công nghiệp 6001ZZ	Cái	Mua nội địa	1,000	
4		VTP-BLLGCRSMK12.9-M10X30	Bulong lục giác chìm ren suốt mạ kẽm 12.9-m10x30 (có ecu chống trôi, vênh, long đen đi kèm)	Cái	Mua nội địa	1,000	
5		VTP-BLGCDTIN201M10x20	Bulong lục giác chìm đầu trụ inox 201-M10x20 (đi kèm ecu, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
6		VTP-BLLGCM8X16	bulong lục giá chìm m8x16	Cái	Mua nội địa	1,000	
7		VTP-ECUM16	Ecu,vênh, long đen m16	Cái	Mua nội địa	1,000	
8		VTP- ECT	ECU chữ T	Cái	Mua nội địa	1,000	
9		VTP-BLLGCRSMK12.9-M6X30	Bulong lục giác chìm ren suốt mạ kẽm 12.9-M6x30 (có ecu chống trôi, vênh, long đen đi kèm)	Cái	Mua nội địa	1,000	

10		VTP-BLLGCM8	Bulong lục giác chìm m8x20	Cái	Mua nội địa	1,000	
11		VTP-ECUDOCTM4	ecu chống trôi m4	Cái	Mua nội địa	1,000	
12		VTP-BLLGCRSMK12.9-M10x90	Bulong lục giác chìm ren suốt mạ kẽm 12.9-M10x90 (có ecu chống trôi, vênh, long đen đi kèm)	Cái	Mua nội địa	1,000	
13		VTP-BULONG M10X30	(không có trong kho linh kiện)		chưa chọn	1,000	
14		VTP-VONGBI6004Z	Vòng bi NSK 6004ZZCM	Cái	Mua nội địa	1,000	
15		VTP-PHANHTRUC20	Phanh trục (phe gài trục) phi 20	Cái	Mua nội địa	1,000	
16		VTP-BLLGCDTTD12.9-M4x35	Bulong lục giác chìm đầu trụ m4x35 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
17		VTP-PHANHLO42	Phanh lỗ (phe gài lỗ) phi 42	Cái	Mua nội địa	1,000	
18		VTP - BLM16X60	BULONG M16X60 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
19		VTP-VB608	Vòng bi 608zz	Cái	Mua nội địa	1,000	

20		VTP-BLLGCM16X60	Bulong lục giác chìm M16x60 inox (đi kèm vênh, long đen, ecu chống trôi)	Cái	Mua nội địa	1,000	
21		VTP-BLM4X30	Bulong lục giác chìm m4x30(đi kèm ecu chống trôi , long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
22		VTP-VONGBI628Z	Vòng bi 628ZZ	Cái	Mua nội địa	1,000	
23		VTP-TRUCTREOBANHXE20*73	Trục treo bánh xe 20*73	Cái	chưa chọn	1,000	
24		VTP-BLLGCDB-M5X10	Bulong lục giác chìm đầu bằng (đầu col) M5x10 thép mạ kẽm	Cái	Mua nội địa	1,000	
25		VTP-PHANHTRUC16	Phanh trục (phe gài trục) phi 16	Cái	Mua nội địa	1,000	
26		VTVN-TYRENM16THUONG	thanh ty ren M16 thường	Mét	Mua nội địa	1,000	
27		VTP-CSGC45X30	Cao su giảm chấn 45x30mm	Cái	Mua nội địa	1,000	
28		VTP-ECUCTM10	ECU chống trôi M10	Cái	Mua nội địa	1,000	
29		VTP-BLLGC	BULONG lục giác chìm m16x75 (kèm vênh, ecu chống trôi)	Cái	Mua nội địa	1,000	

30		VTP-BLNM16x150	bulong nở M16X150	Cái	Mua nội địa	1,000	
32		VTP-BULONGM12X235	Bulong ren lung m12x235 (đi kèm ecu chống trôi , long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
33		VTP-OTM8X20	Ốc trí m8x20	Cái	Mua nội địa	1,000	
34		VTP-PHANHLO32	Phanh lỗ (phe gài lỗ) phi 32	Cái	Mua nội địa	1,000	
35		VTP-VONGBI6002Z	Vòng bi 6002ZZ	Cái	Mua nội địa	1,000	
36		VTP-LDVM4K	Long đen phẳng (vòng đệm phẳng) M4 mạ kẽm	Cái	Mua nội địa	1,000	
37		VTP-BLĐD M8X20	Bulong đầu dù m8x20	Cái	Mua nội địa	1,000	
38		VTP-BLLGCM6X25	bulong lục giác chìm m6x25 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
39		VTP-BLLGCM10X25	Bulong lục giác chìm m10x25 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
40		VTP-BLLGCDTCB8.8M6x25	Bulong lục giác chìm đầu trụ cấp bền 8.8 M6x25 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	

41		VTDL-VHG2BX 5,5	Vòng hãm giữa 2 bánh xe phi25 *5,5mm 間隔還	Cái	chưa chọn	1,000	
42		VTP-OTM12X20	ốc trí m12x20	Cái	Mua nội địa	1,000	
43		VTP-BLLGCM6X20	bulong lục giác chìm m6x20 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
44		VTP-BLM14X50	bulong m14x50(đi kèm ecu chống trôi , long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
45		VTP-BLM10X45	Bulong m10x45 (có ecu chống trôi , vênh, long đen đi kèm)	Cái	Mua nội địa	1,000	
46		VTP-BLMTM16X55	Bulong mắt trâu m16x55	Cái	Mua nội địa	1,000	
47		VTP-DOCTM8	Đai ốc (êcu) chống trôi M8 (tán keo M8)	Cái	Mua nội địa	1,000	
48		VTDL-KNCY	Khớp nối chữ Y	Cái	Mua nội địa	1,000	
49		VTP-BLM16X50	Bulong m16x50 (long đen, vênh, ecu chống trôi đi kèm)	Cái	Mua nội địa	1,000	
50		VTP-BLLGCM6X12	Bulong lục giác chìm m6x12 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	

51		VTP - GĐNH	Gối đỡ nâng hạ - treo ray 5T trên dầm hàn sẵn	Cái	Mua nội địa	1,000	
52	(lỗi ảnh)	VTP-BLM16	BULONG M16X75(đi kèm ecu chống trôi , long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
53		VTP-BLLGCM8X25	bulong lục giác chìm m8x25	Cái	Mua nội địa	1,000	
54		VTP-BLLCGM12X25	Bulong lục giác chìm m12x25	Cái	Mua nội địa	1,000	
55		VTP-GĐVBUCF208	Gối đỡ vòng bi UCF 208	Cái	Mua nội địa	1,000	
56		VTP-BLLGCM5X25	Bulong lục giác chìm m5x25 (đi kèm ECU chống trôi, long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
57		VTP-BLLGĐCM8X15	Bulong lục giác chìm đầu côn m8x15	Cái	Mua nội địa	1,000	
58		VTP-ÔTM10X12	Ốc trí m10x12	Cái	Mua nội địa	1,000	
59		VTP-BB55X90X18	bạc bi 55x90x18 - mã 6011 FAG (tham khảo)	Cái	Mua nội địa	1,000	
60		VTP-TOD168*6,0*6M	Thép ống đúc 168*6,0*6000mm (604KG)	cây	Mua nội địa	1,000	

61		VTP- TĐKGH40X40	Tăng đơ kéo giằng hộp 40x40	Cái	Mua nội địa	1,000	
62		VTP-BLM12X80	Bulongm12x80(đi kèm ecu chống trôi , long đen, vênh)	Cái	Mua nội địa	1,000	
63		VTP-NCGCM8	Nam châm giảm chấn M8	Cái	Mua nội địa	1,000	
64		VTP-VB6007	Vòng bi 6007	Cái	chưa chọn	1,000	
65		VTP-PHOT75x90x12	Phớt chắn dầu 75x90x12	Cái	Mua nội địa	1,000	
66		VTP-DDOOHM55X2.0	Đai ốc hãm m55x2.0	Cái	Mua nội địa	1,000	
67		VTP-VĐKTCCD55	Vòng đệm khóa trục có cánh D55	Cái	Mua nội địa	1,000	
68		VTP-CSGC30X30	Cao su giảm chấn 30x30	Cái	Mua nội địa	1,000	
					TỔNG CỘNG		

CÔNG TY TNHH HING TAT (VN)

DANH SÁCH NGUYÊN VẬT LIỆU CẦN TÌM

MÃ LIỆU	TÊN SẢN PHẨM	QUY CÁCH	SỐ LƯỢNG/NĂM	ĐƠN GIÁ RMB	ĐƠN GIÁ VNĐ
2003-0206-GR	介子头螺丝Vít đầu có vành	Dựa theo bản vẽ	1,041,000	0.00907	**34.92**
2003-2305-LR	伞头螺丝 Vít đầu hình dù	Dựa theo bản vẽ	717,000	0.00554	**21.33**
2003-26080-AR	沉头螺丝Vít đầu chìm	Dựa theo bản vẽ	3,905,000	0.00716	**27.57**
2003-2610-RR	圆头螺丝 vít đầu tròn	Dựa theo bản vẽ	3,073,000	0.0097	**37.35**
2003-2612-ER	螺丝 vít	Dựa theo bản vẽ	550,000	0.0181	**69.69**
S9500-12707-AR	螺丝盖 nắp vít	Dựa theo bản vẽ - Nhựa đúc	521,723	0.009	**34.65**

10148-10100-AR	上手柄 Tay cầm phía trên	Dựa theo bản vẽ - Nhựa đúc	859,283	1.812	**6,976.20**
10225-00201-CR	下手柄 Tay cầm phía dưới	Dựa theo bản vẽ - Nhựa đúc	858,396	1.791	**6,895.35**
10225-00423-AR	下盖板Tấm che đáy	Dựa theo bản vẽ - Nhựa đúc	858,534	0.321	**1,235.85**
10226-00908-BR	上盖板 Tấm che phía trên	Dựa theo bản vẽ - Nhựa đúc	133,851	0.78	**3,003.00**
S9500-10414-FR	上后盖 nắp sau	Dựa theo bản vẽ - Nhựa đúc	521,881	0.267	**1,027.95**
2016-0092-BR-01-01	铁通 thanh sắt	Sắt; kích thước: Φ13,0 x 143,0 mm, độ dày thành 0,7 mm; hoàn thiện bằng lớp phủ FH-1490SX (do Yongmingfeng thực hiện) — bao gồm công đoạn tạo hình phôi và phun phủ.	50,000	2.636	**10,148.60**

2017-0072-BR-01-01	铁夹 thanh kẹp	Sắt, kích thước: (Dài) 164,0 x (Rộng) 15,5 x (Dày) 0,7 mm, lớp hoàn thiện: FH-1490SX (phôi dập + sơn phun)	50,000	2.411	**9,282.35**
2016-0147-AR-01-01	铁通 thanh sắt	Sắt; kích thước: Φ25,4 x 127,0 mm, độ dày thành 0,8 mm; được phủ lớp FH-1490SX (Yongmingfeng). Thông số kỹ thuật vật liệu tương ứng: 2016-0147-AR (tạo hình phôi + phủ sơn).	50,000	2.969	**11,430.65**
2017-0101-AR-01-01	铁夹 thanh kẹp	Sắt; kích thước: (Dài) 164,5 x (Rộng) 26,0 x (Dày) 0,8 mm; hoàn thiện màu đen (phôi được phun phủ bằng loại FH-1490SX); vật liệu tương đương của Yongmingfeng (YMF): 2017-0101-AR (phôi + lớp phun phủ).	50,000	2.822	**10,864.70**
2016-0139-AR-01-02	铁通 thanh sắt	Chất liệu sắt, kích thước: Φ38,0 x 127,0 x 0,8 mm (độ dày), hoàn thiện bằng lớp phủ phun FH-1490SX. Mã linh kiện phôi của Yongmingfeng: 2016-0139-AR; nhà cung cấp: Jianbang (bao gồm phôi và lớp phủ phun).	50,000	3.293	**12,678.05**
2017-0099-AR-01-02	铁夹 thanh kẹp	Sắt; kích thước: (Dài) 163,5 x (Rộng) 36,0 x (Dày) 0,8 mm; lớp phủ hoàn thiện: sơn phun FH-1490SX; mã linh kiện phôi của Yongmingfeng: 2017-0099-AR; Jianbang (phôi + sơn phun)	50,000	2.911	**11,207.35**

STT	Sản phẩm/dịch vụ cần cung cấp	Nhu cầu dự kiến	Yêu cầu/hiện trạng
1	bị cơ khí chuyên dụng có độ chính xác cao, gồm máy dập đầu cos, máy cắt/dập dây điện và các máy chuyên	10–20 máy/năm (nhu cầu bình quân đối với nhóm máy móc,	ua từ Trung Quốc; việc sửa chữa, bảo hành cũng phải cử chuyên gia từ Trung Quốc sang hỗ trợ.
2	Lưỡi dao cắt dùng cho máy móc/dây chuyền sản xuất.	Khoảng 600–1.000 cái/năm.	hập khẩu từ Trung Quốc. Cần đơn vị có khả năng chế tác/gia công theo mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật.
3	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc chuyên dụng.	Phát sinh theo nhu cầu vận hành và bảo trì thiết bị.	doanh nghiệp trong nước có kỹ thuật viên, tay nghề và năng lực xử lý thiết bị chính xác cao.

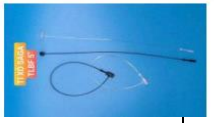
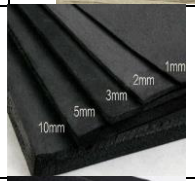






Báng thống kê nguyên phụ liệu

Mặt hàng	Mô tả kỹ thuật / Description	Các chứng chỉ bắt buộc	Điều kiện giao hàng (Giao tại BVT, TN, TM)	Thanh toán (trả trước hay sau)	Bình ổn giá (cam kết không thay đổi trong vòng 1 năm)	MOQ	Leadtime (Phát triển mẫu)	Leadtime (Sản xuất)	HÌNH ẢNH
Kim băng (MF-PIN)	19 MM, chất liệu thép không gỉ (Stainless Steel/Inox), có khả năng chống ăn mòn, chống oxy hóa và không bị gỉ sét trong điều kiện sử dụng thông thường.	Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	5000 cái	5-7 days	10-15 days	#VALUE!
Giấy kraft màu nâu(để sửa thùng)	Chất liệu: Giấy kraft màu nâu. Kích thước: A4 (210 × 297 mm).	Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	2000 tờ	5-7 days	10-15 days	
PALLET GỖ THÔNG EURO EPAL	Gỗ thông Kích thước: 1200x800x144mm	Pallet cần có chứng thư hun trùng Độ ẩm sau khi ra khỏi lò sấy là 10% Độ ẩm tại thời điểm giao hàng không vượt quá 15-16% Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC,	Theo yêu cầu của BVT (Giao tại BVT, Thanh Miện)	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	50 cái	5-7 days	10-15 days	
Thanh gỗ chấn cont+đóng pallet	Gỗ thông+ gỗ keo Kích thước: 2.5cm x 6cm x 260cm	Cần có chứng thư hun trùng Độ ẩm sau khi ra khỏi lò sấy là 10% Độ ẩm tại thời điểm giao hàng không vượt quá 15-16%	Theo yêu cầu của BVT (Giao tại BVT, Thanh Miện)	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	50 cái	5-7 days	10-15 days	
Dây đai PP	Bản rộng 12mm	Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá		5-7 days	7-12 days	

TAg PIN		Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá		5-7 days	7-12 days	   
STRING		Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá		5-7 days	7-12 days	
MÚT XỐP(EVA FOAM, ATILON FOAM)	Độ dày 2 ->15mm Có thể gia công hình dáng theo yêu cầu	REACH, ROHS, GRS, RSL	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá		5-7 days	20-25 days	
NEOPRENE(CR+SBR)	Độ dày 1->3mm Có thể gia công theo yêu cầu(dán vải, đục lỗ)	REACH, ROHS, RSL	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá		5-7 days	20-25 days	
PE FOAM	2MM, 5MM	Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá		5-7 days	7-12 days	

DÂY EBAND CÁC LOAI (STRING /EBAND /WEBBING	5MM>75MM . CÁC MÀU SẮC	CÓ CHỨNG NHÂN Oekotex PFAS FREE NON-TOXIC Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	KHÔNG MOQ FOR BKL /WHT MOQ =1000 YD FOR MÀU SẮC	10>15days	25>30days	
PADDING	CHỨNG NHÂN tối thiểu Oekotex, các yêu cầu		Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	KHÔNG MOQ	10>15days	25>30days	
INTERLINING	CHỨNG NHÂN tối thiểu Oekotex, các yêu cầu		Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	KHÔNG MOQ	10>15days	25>30days	
KHÓA KÉO CÁC LOAI	10CM >150CM. CÁC MÀU SẮC VÀ CHỦNG LOẠI THEO	CÓ CHỨNG NHÂN Oekotex	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm	KHÔNG MOQ	10>15days	30>45days	
Mực In HUYNDAI	mực in Cyclo in trên chất liệu quần áo	CÓ CHỨNG NHÂN Oekotex	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	KHÔNG MOQ	5-7 days	7-12 days	
Mực In SILICONE	mực in trên chất liệu quần áo	CÓ CHỨNG NHÂN Oekotex	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm	KHÔNG MOQ	5-7 days	7-12 days	
Vải các loại	Vải may mặc	N tối thiểu Oekotex, các yêu cầu	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá		10>15days	25>30days	

Túi khí chèn hàng kraft pp	Kích thước: 1000x1800mm	Đáp ứng PPWR (Heavy test, PFAS test), FSC, Reach&Rohs,	Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	50 cái			
Dây in nhãn	CHỨNG NHẬN tối thiểu Oekotex, các yêu cầu		Giao tại BVT,	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá				
Màng chít	Khổ 50cm-60 cm, độ dày 17-18 mic,	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test , ROHS	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	NO	5-7 days	5-7 days	
Barcode paper	Decal trắng dùng để in mã vạch, cắt theo hình	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	NO	5-7 days	5-7 days	
Wax resin	Ruy băng in tem mã vạch	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test , MOAH test, MOSH test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	NO	5-7 days	5-7 days	
Băng dính Fila	Băng dính logo Fila	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	NO	5-7 days	5-7 days	
Băng dính Fila	Băng dính logo PJ	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	NO	5-7 days	5-7 days	

Băng dính nước	Băng keo giấy thấm nước có chỉ	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	NO	5-7 days	5-7 days	
Băng dính Dán thùng	Băng keo giấy để dán lên thùng carton có màu nâu như giấy thùng	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	NO	5-7 days	5-7 days	
KEP NHỰA CÁC LOAI	KEP NHỰA DÙNG TRONG ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA PLASTIC J HOOKBLK4.5 CM CLIPS for CARDBOARD 3.8CM	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	1000 PC	5-7 days	5-7 days	 
Lat nhựa	CHẤT LIỆU BẰNG NHỰA 8*400MM	Đáp ứng PPWR : Heavy test, PFAS test	Giao tại BVT	Trả sau 60 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng công nợ	Giá không thay đổi tối thiểu trong vòng 1 năm kể từ khi báo giá	100 PC	5-7 days	5-7 days	

LGITVH | Hard Tray

Confidential

ENABLE THE NEXT

2. Nhu cầu sử dụng và yêu cầu chất lượng

Nhu cầu	
Số lượng hàng năm	~100,000 PCS
Số lượng hàng tháng	300 PCS ~ 55,200 PCS
Tổng giá trị mua hàng năm	~USD 253K
Thời gian giao hàng	≤ 30 days

Yêu cầu kĩ thuật	
Vật liệu	Đáp ứng yêu cầu của LGITVH (ABS, PS, PP, PC, ESD Plastic, Conductive Material)
Kích thước	Phải đáp ứng yêu cầu bản vẽ kỹ thuật và cung cấp MSOP
Tiêu chuẩn điện trở	Điện trở bề mặt: $1\times10^{6}\ \Omega < R < 1\times10^{9}\ \Omega$
Kiểm soát lỗi	Khay không được cong vênh, nứt, mòn pocket, gãy trầy xước lens hoặc phát sinh lỗi ngoại quan

Yêu cầu chất lượng đối với nhà cung cấp	
Nhà cung cấp nộp tài liệu giới thiệu công ty và hồ sơ năng lực, bao gồm các thông tin sau:	
Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng	*VD. ISO 9001*
Kinh nghiệm	*VD. Danh sách khách hàng trong lĩnh vực điện tử*
Nhà xưởng và cơ sở vật chất sản xuất	*VD. Phòng QC, Phòng ESD, Phòng đo*
Thiết bị kiểm tra và đo lường	*VD. Máy CMM, Hệ thống đo hình ảnh 2D, thước đo cao, Thiết bị kiểm tra ESD*
Năng lực sản xuất	*VD. Công suất sản xuất hàng tháng, máy móc và khuôn/đồ gá dự phòng, quy trình lưu trữ bảo quản hàng*

LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Đồ bảo hộ phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT



ID	10186738
Tên sản phẩm	GĂNG TAY NITRILE
Thông số kĩ thuật	Dài 12 inch; Màu trắng; Găng tay Nitrile phòng sạch Class 100; Chất liệu nitrile không bột; Đóng gói: 10 túi/thùng, 50 đôi/túi (500 đôi/thùng).
Nhu cầu	4,000,000 đôi/năm



ID	9084904, 9084907, 9084908
Tên sản phẩm	GĂNG TAY VINYL
Thông số kĩ thuật	Màu trắng; Size S: 65 ± 5 mm, Size M: 85 ± 5 mm, Size L: 105 ± 5 mm; Găng tay PVC Econ; Găng tay Vinyl; Chất liệu nhựa PVC; Dài: 12 inch; Không bột.
Nhu cầu	4,000,000 đôi/năm

LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Đồ bảo hộ phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT



ID	9983747, 9983748, 9983749
Tên sản phẩm	GĂNG TAY ESD
Thông số kĩ thuật	Màu trắng; Size M (Rộng 90 ± 5 mm), Size L (Rộng 95 ± 5 mm), Size XL (Rộng 105 ± 5 mm); Găng tay chống tĩnh điện (ESD); Chất liệu vải; Dài 11 inch; Không bột.
Nhu cầu	325,000 đôi/năm



ID	9967924
Tên sản phẩm	BAO NGÓN TAY
Thông số kĩ thuật	TRUFIT; Size S/M/L; Màu đen; Latex; Bao ngón tay (Finger Cot); 1000 cái/gói.
Nhu cầu	10,000 túi/năm

LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Đồ bảo hộ phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT

ID	7036605
Tên sản phẩm	MŨ TRÙM ĐẦU DÙNG MỘT LẦN
Thông số kĩ thuật	Màu trắng; free size; hình ống tròn
Nhu cầu	5,000,000 cái/năm



ID	11057284
Tên sản phẩm	KHẨU TRANG PHÒNG SẠCH
Thông số kĩ thuật	Kích thước: 180 × 90 mm; 2 lớp; 1.000 cái/hộp; Màu trắng; Thanh nẹp mũi bọc nhựa.
Nhu cầu	6,000,000 cái/năm

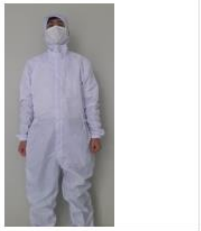
LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Đồ bảo hộ phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT



ID	7031733
Tên sản phẩm	BỘ QUẦN ÁO PHÒNG SẠCH
Thông số kĩ thuật	Nhiều màu; Nhiều kích cỡ; Không có model cụ thể; Vải R; Quần áo liền thân; Có nẹp che khóa kéo phía trước; Phòng sạch Class 1000; Tay áo 1 lớp; May cuốn toàn bộ; Khóa kéo thẳng phía trước.
Nhu cầu	6,000 bộ/năm



ID	7630796
Tên sản phẩm	BỘ QUẦN ÁO PHÒNG SẠCH
Thông số kĩ thuật	Nhiều màu; Size S, M, L, XL, 2XL, 3XL, 4XL, 5XL; Vải MDR; Quần áo liền thân; Có nẹp che khóa kéo phía trước; Phòng sạch Class 100; Tay áo 2 lớp; May chập 5 chỉ, bọc viền; Khóa kéo thẳng phía trước.
Nhu cầu	7,000 bộ/năm

LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Đồ bảo hộ phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT



ID	11464419
Tên sản phẩm	GIÀY PHÒNG SẠCH
Thông số kĩ thuật	Model KMSF12; Size 230-330 mm; Chống tĩnh điện (ESD); Mũi thép bảo hộ.
Nhu cầu	3,400 đôi/năm



ID	9084589
Tên sản phẩm	ỦNG PHÒNG SẠCH
Thông số kĩ thuật	Nhiều màu; Size 230-300 mm; Model BT-05 + PBS-1002(V); Giày dạng ủng; Không có mũi bảo hộ; Dùng cho phòng sạch; Không có khóa kéo.
Nhu cầu	1,800 đôi/năm

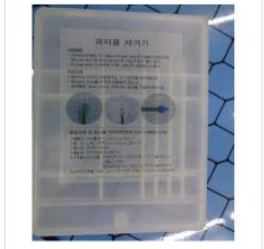
LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Hàng tiêu hao phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT



ID	10115549
Tên sản phẩm	QUE GEL
Thông số kĩ thuật	ABS-PA; Đầu Φ1.3 ± 0.25 mm; Thân dài 70 ± 1.5 mm; Dùng loại bỏ dị vật; Silicone; Độ bám dính cao; Hãng KBIT;
Nhu cầu	1,000,000 hộp/năm



ID	7036175
Tên sản phẩm	TĂM BÔNG VỆ SINH HUBY-APEX SA-001
Thông số kĩ thuật	Model APEX SA-001; Kích thước 75 mm; Màu trắng; Chất liệu cotton; 20 cái/túi.
Nhu cầu	360,000 cái/năm

LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Hàng tiêu hao phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT



ID	10566196
Tên sản phẩm	MÀNG LỌC SIÊU NHỎ
Thông số kĩ thuật	Model EHTEFA3M1F; Lõi lọc siêu nhỏ (Micro Filter); Kích thước lọc 0.03 µm; Thương hiệu CSM.
Nhu cầu	1,500 cái/năm



ID	11171456
Tên sản phẩm	LÕI LỌC
Thông số kĩ thuật	Model LPFH0003TC10P; Kích thước lỗ lọc 0.03 µm; Bộ lọc dùng cho FC Work Table; Hãng DAEBO E&C
Nhu cầu	2,000 cái/năm

LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Hàng tiêu hao phòng sạch

Confidential

ENABLE THE NEXT



ID	7962400
Tên sản phẩm	NHÍP
Thông số kĩ thuật	Model P-643-J; Chất liệu thép không gỉ SUS420J2; Kích thước 125 × 10 mm
Nhu cầu	900 cái/năm



ID	10105139
Tên sản phẩm	GIẤY MÀI KIM CƯƠNG
Thông số kĩ thuật	Model 135-32-70098; Độ nhám #3000; Kích thước 70 × 55 mm; Tấm đánh bóng kim cương;
Nhu cầu	13,000 cái/năm

LG Innotek Confidential. This document is protected by security policies and laws.

LG Innotek

LGITVH | Hàng tiêu hao phòng sạch

Confidential

ENABLE